

## BÁO CÁO TỔNG HỢP THU CHI CÁC QUỸ THÁNG 7/2024

| STT | Hoàn cảnh   | Tồn đầu           | Tổng thu          |                                | Tổng chi         |                                       | Tồn cuối          |
|-----|---|-------------------|-------------------|--------------------------------|------------------|---------------------------------------|-------------------|
|     |   |                   | Thành viên chuyên | Kết chuyển từ quỹ khác/CT khác | Chi              | Trích quỹ hỗ trợ các quỹ khác/CT khác |                   |
|     | <b>Quỹ NTCM</b>   | <b>79,832,072</b> | <b>2,915,388</b>  | <b>0</b>                       | <b>8,900,000</b> | <b>0</b>                              | <b>73,847,460</b> |
| 1   | Ủng hộ quỹ NTCM   | 610,633,473       |                   |                                |                  |                                       | 610,633,473       |
| 2   | Lãi tiết kiệm   | 68,669,609        | 165,388           |                                |                  |                                       | 68,834,997        |
| 3   | Phí ngân hàng & Phí quản lý tài khoản, phí sao kê                 | (660,000)         |                   |                                |                  |                                       | (660,000)         |
| 4   | Garage sales ủng hộ quỹ NTCM                                      | 16,480,000        |                   |                                |                  |                                       | 16,480,000        |
| 5   | Các khoản thu chưa rõ nguồn/không ghi nội dung ủng hộ             | 26,281,279        | 2,250,000         |                                |                  |                                       | 28,531,279        |
| 6   | NTCM Hỗ trợ hoàn cảnh CMTX (trích quỹ/kết chuyển)                 | (30,708,812)      |                   |                                | 5,100,000        |                                       | (35,808,812)      |
| 7   | NTCM Hỗ trợ hoàn cảnh CMKTX (trích quỹ/kết chuyển)                | (41,388,000)      | 500,000           |                                | 3,100,000        |                                       | (43,988,000)      |
| 8   | NTCM hỗ trợ các Chương trình (trích quỹ/kết chuyển)               | 2,496,523         |                   |                                | 500,000          |                                       | 1,996,523         |
| 9   | NTCM hỗ trợ các NNMU (trích quỹ/kết chuyển)                       | 0                 |                   |                                |                  |                                       | 0                 |
| 10  | NTCM hỗ trợ các Nôi cháo/quán cơm (trích quỹ/kết chuyển)          | (59,354,000)      |                   |                                |                  |                                       | (59,354,000)      |
| 11  | NTCM hỗ trợ quỹ Heartbank đầu tư tương lai (trích quỹ/kết chuyển) | 0                 |                   |                                |                  |                                       | 0                 |
| 12  | NTCM hỗ trợ quỹ Mai táng từ thiện (trích quỹ/kết chuyển)          | (2,900,000)       |                   |                                | 200,000          |                                       | (3,100,000)       |
| 13  | Phí DD (server 10 năm/tên miền/con dấu....)                       | (9,718,000)       |                   |                                |                  |                                       | (9,718,000)       |
| 14  | Tài khoản tiết kiệm tổng 4 sổ tk trị giá 500 triệu                | (500,000,000)     |                   |                                |                  |                                       | (500,000,000)     |

| STT | Hoàn cảnh/Chương trình                | Tồn đầu            | Tổng thu           |                  | Tổng chi           |                  | Tồn cuối           |
|-----|---------------------------------------|--------------------|--------------------|------------------|--------------------|------------------|--------------------|
|     |                                       |                    | Thành viên chuyên  | Quỹ NTCM hỗ trợ  | Chi                | K/C vào quỹ NTCM |                    |
|     | <b>Quỹ CMKTX</b>                      | <b>345,292,324</b> | <b>135,210,000</b> | <b>2,600,000</b> | <b>144,800,000</b> | <b>0</b>         | <b>338,302,324</b> |
|     | <b>CMKTX Hoàn Cảnh</b>                | <b>45,053,000</b>  | <b>23,300,000</b>  | <b>2,100,000</b> | <b>23,900,000</b>  | <b>0</b>         | <b>46,553,000</b>  |
| 1   | Áo thun đồng phục NTCM                | (17,647,000)       |                    |                  |                    |                  | (17,647,000)       |
| 2   | Anh Lò Văn Hạnh CMTX 3 tháng          | 900,000            |                    |                  |                    |                  | 900,000            |
| 3   | Anh Tuệ - Hà Tĩnh                     | 1,000,000          |                    |                  |                    |                  | 1,000,000          |
| 4   | Bé Lu Minh Khang mô tim Hà Nội        | 22,100,000         |                    |                  |                    |                  | 22,100,000         |
| 5   | Chuyến xe 0 đồng                      | 14,000,000         |                    |                  |                    |                  | 14,000,000         |
| 6   | Em Bàn Văn Chiến Mộc Châu Sơn La      | 17,500,000         |                    |                  |                    |                  | 17,500,000         |
| 7   | Bé Hồng An Tiền Giang                 | 5,800,000          |                    |                  |                    |                  | 5,800,000          |
| 8   | Anh Thanh bệnh Phổi BV Phổi TW        | 1,000,000          |                    |                  |                    |                  | 1,000,000          |
| 9   | Ngọc Anh Huế                          | 1,300,000          |                    |                  |                    |                  | 1,300,000          |
| 10  | Anh Việt Long An                      | (800,000)          |                    | 800,000          |                    |                  | 0                  |
| 11  | Em Hồ Thị Như A Lưới Huế CMKTX & CMTX | 500,000            |                    |                  |                    |                  | 500,000            |
| 12  | Em Đức Quảng Trị                      | 0                  |                    | 500,000          | 500,000            |                  | 0                  |
| 13  | Ba bé mồ côi Nghệ An                  | 0                  | 23,300,000         | 100,000          | 23,400,000         |                  | 0                  |
| 14  | Anh Phúc Hà Nội                       | (200,000)          |                    | 200,000          |                    |                  | 0                  |
| 15  | Cháu VTA ung thư Hanoi                | 100,000            |                    |                  |                    |                  | 100,000            |
| 16  | Khánh Vy & chị Diệp HCM               | (500,000)          |                    | 500,000          |                    |                  | 0                  |
|     | <b>Chương trình hoạt động</b>         | <b>77,124,013</b>  | <b>93,200,000</b>  | <b>500,000</b>   | <b>90,900,000</b>  | <b>0</b>         | <b>79,924,013</b>  |
| 1   | Xe lăn hỗ trợ người khuyết tật        | 14,878,925         |                    |                  |                    |                  | 14,878,925         |

|    |  |                    |                   |          |                   |          |                    |
|----|--|--------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|--------------------|
| 2  | CT Đông Âm TT chăm sóc Người Khuyết Tật - Thụy An Ba Vì Hà Nội | 8,079,000          |                   |          |                   |          | 8,079,000          |
| 3  | CT Giao Thừa Âm Hà Nội 2023                                    | 12,060,000         |                   |          |                   |          | 12,060,000         |
| 4  | CT CMX BV Thận Hà Nội 2023                                     | (500,000)          |                   | 500,000  |                   |          | 0                  |
| 5  | CT Tết Yêu Thương Nghệ An 2023                                 | 1,367,088          |                   |          |                   |          | 1,367,088          |
| 6  | CT Khám bệnh nhân đạo đảo Lý Sơn Quảng Ngãi 2023               | 3,436,000          |                   |          |                   |          | 3,436,000          |
| 7  | CT Tiệc nhò mái ấm Mây Ngàn Tây Ninh                           | 7,443,000          |                   |          |                   |          | 7,443,000          |
| 8  | CT Trung Thu Yang Mao Dak Lak 2023                             | 3,100,000          |                   |          |                   |          | 3,100,000          |
| 9  | CT Chuyển xe Nhân Ái - Huế                                     | 11,900,000         |                   |          |                   |          | 11,900,000         |
| 10 | CT CMX BV Thận Hà Nội 2024                                     | 9,610,000          |                   |          |                   |          | 9,610,000          |
| 11 | CT GTA Hà Nội 2024   | 4,050,000          |                   |          |                   |          | 4,050,000          |
|    | CT Ủng hộ đồng bào lũ lụt Sơn La                               |                    | 93,200,000        |          | 90,900,000        |          | 2,300,000          |
| 12 | CT Ủng hộ quạt điện A Lưới Huế                                 | 1,700,000          |                   |          |                   |          | 1,700,000          |
|    | <b>NNMU</b>  | <b>120,798,297</b> | <b>17,900,000</b> | <b>0</b> | <b>25,000,000</b> | <b>0</b> | <b>113,698,297</b> |
| 1  | NNMU số 34 GD bà Huyệt Hàm Yên Tuyên Quang                     | 18,200,000         |                   |          |                   |          | 18,200,000         |
| 2  | NNMU số 37 tại ĐakLak  | 11,000,000         |                   |          |                   |          | 11,000,000         |
| 3  | NNMU số 38 - Hai bà cháu Vũ Nghệ An                            | 3,828,000          |                   |          |                   |          | 3,828,000          |
| 4  | NNMU39 Gia đình bé Y Ghi Byă Krong Bong Dak Lak                | 618,056            |                   |          |                   |          | 618,056            |
| 5  | NNMU40 hai cô Sâm Yên Định Thanh Hóa                           | (4,723,120)        |                   |          |                   |          | (4,723,120)        |
| 6  | NNMU41 Gia đình anh Vư chị Dính Krong Bong Dak Lak             | (1,991,780)        |                   |          |                   |          | (1,991,780)        |
| 7  | NNMU42 GD A Sùng A Dơ Krông Bông Dak Lak                       | (498,859)          |                   |          |                   |          | (498,859)          |
| 8  | NNMU43 Gđ chị H Bianh Byă - Buôn Blak                          | (404,000)          |                   |          |                   |          | (404,000)          |
| 9  | NNMU44 Gia đình cô HNÁP BYA- Đăk Tuôr                          | 510,000            |                   |          |                   |          | 510,000            |
| 10 | NNMU 45 Gđ Chị Nguyễn Thị Lựu Krong Bong DakLak                | 41,505,000         |                   |          | 25,000,000        |          | 16,505,000         |
| 11 | NNMU 46 Gđ chú Ngô Văn Dĩ - Bản Pàn Kềng - Cao Bằng            | 52,755,000         | 17,900,000        |          |                   |          | 70,655,000         |
|    | <b>Nồi cháo/Quán Cơm</b>                                       | <b>18,800,000</b>  | <b>810,000</b>    | <b>0</b> | <b>5,000,000</b>  | <b>0</b> | <b>14,610,000</b>  |
| 1  | Nồi cháo Hà Nội  | 4,300,000          |                   |          |                   |          | 4,300,000          |
| 2  | Quán cơm 2000 Sài Gòn  | 6,800,000          | 810,000           |          |                   |          | 7,610,000          |
| 3  | Quán cơm 2000 Cần Thơ  | 500,000            |                   |          |                   |          | 500,000            |
| 4  | Nồi Cháo Quảng Trị   | 1,500,000          |                   |          |                   |          | 1,500,000          |
| 5  | Nồi Cháo Cư Pui  | 200,000            |                   |          |                   |          | 200,000            |
| 6  | Nồi Cháo Hà Tĩnh   | 500,000            |                   |          |                   |          | 500,000            |
| 7  | Nồi Xôi Viện Thận Hà Nội                                       | 5,000,000          |                   |          | 5,000,000         |          | 0                  |
|    | <b>Quỹ hỗ trợ trẻ em mồ côi do dịch covid - 19</b>             | <b>83,517,014</b>  | <b>0</b>          | <b>0</b> | <b>0</b>          | <b>0</b> | <b>83,517,014</b>  |
| 1  | Trẻ em mồ côi khó khăn vì Covid                                | 83,517,014         |                   |          |                   |          | 83,517,014         |

| STT | Hoàn cảnh  | Tồn đầu          | Tổng thu          |  | Tổng chi          |   | Tồn cuối         |
|-----|--|------------------|-------------------|--|-------------------|---|------------------|
|     |  |                  | Thành viên chuyên | Quỹ NTCM hỗ trợ hoặc K/C từ hoàn cảnh khác | Chi               | K/C từ Hoàn cảnh khác/Trích quỹ MTTT hỗ trợ |                  |
|     | <b>Quỹ Mai Táng Từ Thiện</b>                           | <b>4,138,000</b> | <b>20,800,000</b> | <b>200,000</b>                             | <b>21,000,000</b> | <b>0</b>                                    | <b>4,138,000</b> |
| 1   | Quỹ Mai Táng Từ Thiện                                  | 1,038,000        |                   |  |                   |   | 1,038,000        |
| 2   | MTTT Anh Tôn Thất Tú Huế                               | 0                | 14,000,000        |  | 14,000,000        |   | 0                |
|     | MTTT Anh Liêng Đam A Lưới Huế                          |                  | 6,800,000         | 200,000                                    | 7,000,000         |   | 0                |
| 3   | MTTT Ông Konh Hêm (Pi Riu Mía) A Lưới Huế              | 300,000          |                   |  |                   |   | 300,000          |
| 4   | Mai táng từ thiện ủng hộ nhóm MTTT của Chú Ba Oanh HCM | 800,000          |                   |  |                   |   | 800,000          |

|    |                                     |         |  |  |  |         |
|----|-------------------------------------|---------|--|--|--|---------|
| 5  | Mai táng từ thiện Em Trạ Đồng Nai   | 700,000 |  |  |  | 700,000 |
| 6  | Mai táng từ thiện bà Đoài Hà Tĩnh   | 100,000 |  |  |  | 100,000 |
| 7  | Mai táng từ thiện bà Liên Hà Tĩnh   | 300,000 |  |  |  | 300,000 |
| 8  | Mai táng từ thiện Em Sơn Hà Tĩnh    | 400,000 |  |  |  | 400,000 |
| 9  | Mai táng từ thiện Thương A Lưới Huế | 300,000 |  |  |  | 300,000 |
| 10 | MTTT Chau Ho A Luoi Hue             | 200,000 |  |  |  | 200,000 |

| STT | Hoàn cảnh  | Tồn đầu           | Tổng thu          |  | Tổng chi |  | Tồn cuối          |
|-----|--|-------------------|-------------------|--|----------|--|-------------------|
|     |  |                   | Thành viên chuyển | Quỹ Heartbank hỗ trợ/Kết chuyển HC trả vay vào quỹ heartbank | Chi      | Trích quỹ Heartbank hỗ trợ/Kết chuyển vào quỹ NTCM |                   |
|     | <b>Heart bank</b>  | <b>59,480,000</b> | <b>0</b>          | <b>0</b>   | <b>0</b> | <b>0</b>   | <b>59,480,000</b> |
| 1   | Quỹ Heart bank thành viên ủng hộ                           | 7,180,000         |                   |  |          |  | 7,180,000         |
| 2   | Bichthuy_md vay Heartbank                                  | 2,800,000         |                   |  |          |  | 2,800,000         |
| 3   | Khải Hậu Giang trả vay HB                                  | 6,200,000         |                   |  |          |  | 6,200,000         |
| 4   | Xuongrong trả vay HB                                       | 5,000,000         |                   |  |          |  | 5,000,000         |
| 5   | Mai Trâm trả vay HB  | 5,000,000         |                   |  |          |  | 5,000,000         |
| 6   | Bác Trâm Ca mua heo giống HB                               | 1,300,000         |                   |  |          |  | 1,300,000         |
| 7   | Anh Trương Văn Thân/C.Hường, Quảng Nam vay mở tiệm tạp hóa | 3,900,000         |                   |  |          |  | 3,900,000         |
| 8   | Anh Đỗ Ngọc Tiến trả vay HB                                | 2,000,000         |                   |  |          |  | 2,000,000         |
| 9   | Anh Trí Chị Nhiên vay HeartBank                            | 3,000,000         |                   |  |          |  | 3,000,000         |
| 10  | Getdown_sky vay HeartBank                                  | 8,000,000         |                   |  |          |  | 8,000,000         |
| 11  | Anh Nguyễn Tấn Hiền vay HeartBank                          | 400,000           |                   |  |          |  | 400,000           |
| 12  | Chị Yến - Sa Đéc vay Heartbank                             | 500,000           |                   |  |          |  | 500,000           |
| 13  | Anh Ôn Đà Nẵng trả tiền vay Heart Bank                     | 200,000           |                   |  |          |  | 200,000           |
| 14  | Cô Tư Tân Phú vay Heartbank                                | 500,000           |                   |  |          |  | 500,000           |
| 15  | Chị Diệp & các cháu HCM cho vay Heartbank                  | 1,500,000         |                   |  |          |  | 1,500,000         |
| 16  | Chị Nga quán cơm 2000HCM học phí con chị Nga               | 8,000,000         |                   |  |          |  | 8,000,000         |
| 17  | Hoaituong_xn vay   | 400,000           |                   |  |          |  | 400,000           |
| 18  | Đặng Khánh Huyền trả vay HB                                | 3,600,000         |                   |  |          |  | 3,600,000         |
|     | <b>Heartbank Quỹ Đầu tư cho Tương lai</b>                  | <b>0</b>          | <b>0</b>          | <b>0</b>   | <b>0</b> | <b>0</b>   | <b>0</b>          |
| 1   | Thành viên ủng hộ  | 0                 |                   |  |          |  | 0                 |

|   |                    |
|---|--------------------|
| <b>Quỹ NTCM</b>                           | <b>73,847,460</b>  |
| <b>Quỹ CMKTX</b>                          | <b>338,302,324</b> |
| <b>Quỹ Mai Táng Từ Thiện</b>              | <b>4,138,000</b>   |
| <b>Quỹ Heart bank</b>                     | <b>59,480,000</b>  |
| <b>Heartbank Quỹ Đầu tư cho Tương lai</b> | <b>0</b>           |
| <b>4 sổ tiết kiệm</b>                     | <b>500,000,000</b> |
| <b>Tổng Quỹ NTCM</b>                      | <b>975,767,784</b> |